THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 199 /QĐ-TTX	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án, danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị thuộc Thông tấn xã Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 87/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN);

Căn cứ Nghị định số 106/2020-NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc

ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong các cơ quan, tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra và các Thông tư của các Bộ quản lý chuyên ngành hướng dẫn về vị trí việc làm;

Căn cứ Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng vị trí việc làm của TTXVN và Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án, danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc TTXVN:

1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các đơn vị: *(Phụ lục kèm theo).*

2. Phê duyệt cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị: [1]

a) Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 10%;

b) Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;

c) Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống: Tỷ lệ còn lại.

Điều 2. Phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các đơn vị theo phân cấp quản lý của TTXVN.

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành và tình hình thực tế, thực hiện phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm của các nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

---

[1] Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi chức danh nghề nghiệp thì số còn thiếu được cộng vào chức danh thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định. Trường hợp số lượng thực tế hiện có vượt tỷ lệ nêu trên thì tạm thời không tổ chức thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn đã vượt quá tỷ lệ.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc TTXVN căn cứ bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm để tổ chức thực hiện bố trí, phân công, tuyển dụng (theo phân cấp), sử dụng, quản lý và đánh giá viên chức theo danh mục vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng; các trưởng ban: Tổ chức - Cán bộ, Kế hoạch - Tài chính và thủ trưởng các đơn vị khác có liên quan của TTXVN căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, TCCB.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Việt Trang

Phụ lục

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-TTX ngày 29/3/2024 của Tổng giám đốc TTXVN)

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
A	**LÃNH ĐẠO TTXVN**		
1	Tổng giám đốc	LĐN-01	
2	Phó tổng giám đốc	LĐN-02	
B	**CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**		
I	**BAN THƯ KÝ BIÊN TẬP VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	TKBT-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	TKBT-LĐQL-02	
1.3	Thư ký Tổng giám đốc	TKBT-LĐQL-03	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	TKBT-NVCN-04	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	TKBT-NVCN-05	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	TKBT-NVCN-06	Biên tập viên hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	TKBT-CMDC-07	Chuyên viên
II	**VĂN PHÒNG**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Chánh văn phòng	VP-LĐQL-01	
1.2	Phó chánh văn phòng	VP-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	VP-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	VP-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Kỹ thuật viên hạng IV	VP-NVCN-05	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
3.1	Chuyên viên cao cấp về pháp chế	VP-CMDC-06	Chuyên viên cao cấp
3.2	Chuyên viên chính về pháp chế	VP-CMDC-07	Chuyên viên chính
3.3	Chuyên viên về pháp chế	VP-CMDC-08	Chuyên viên
3.4	Chuyên viên chính về tổng hợp	VP-CMDC-09	Chuyên viên chính
3.5	Chuyên viên về tổng hợp	VP-CMDC-10	Chuyên viên
3.6	Chuyên viên về công tác thanh tra	VP-CMDC-11	Chuyên viên
3.7	Văn thư viên chính	VP-CMDC-12	Văn thư viên chính
3.8	Văn thư viên	VP-CMDC-13	Văn thư viên
3.9	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	VP-CMDC-14	Chuyên viên chính
3.10	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	VP-CMDC-15	Chuyên viên
3.11	Chuyên viên chính quản lý công sở	VP-CMDC-16	Chuyên viên chính
3.12	Chuyên viên quản lý công sở	VP-CMDC-17	Chuyên viên
3.13	Lưu trữ viên chính	VP-CMDC-18	Lưu trữ viên chính
3.14	Lưu trữ viên	VP-CMDC-19	Lưu trữ viên
3.15	Lưu trữ viên trung cấp	VP-CMDC-20	Lưu trữ viên trung cấp
3.16	Kế toán viên	VP-CMDC-21	Kế toán viên
3.17	Kế toán viên trung cấp	VP-CMDC-22	Kế toán viên trung cấp
3.18	Cán sự về hành chính - văn phòng	VP-CMDC-23	Cán sự
3.19	Cán sự về lưu trữ	VP-CMDC-24	Cán sự
3.20	Văn thư viên trung cấp	VP-CMDC-25	Văn thư viên trung cấp
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên y tế cơ quan	VP-HTPV-26	Nhân viên
4.2	Nhân viên lễ tân	VP-HTPV-27	Nhân viên
4.3	Nhân viên kỹ thuật	VP-HTPV-28	Nhân viên kỹ thuật
4.4	Nhân viên phục vụ	VP-HTPV-29	Nhân viên phục vụ
4.5	Nhân viên lái xe	VP-HTPV-30	Nhân viên lái xe
4.6	Nhân viên bảo vệ	VP-HTPV-31	Nhân viên bảo vệ
III	**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
1.1	Trưởng ban	TCCB-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	TCCB-LĐQL-02	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	TCCB-NVCN-03	Chuyên viên cao cấp
2.2	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	TCCB-NVCN-04	Chuyên viên chính
2.3	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	TCCB-NVCN-05	Chuyên viên
2.4	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	TCCB-NVCN-06	Chuyên viên chính
2.5	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	TCCB-NVCN-07	Chuyên viên
2.6	Chuyên viên chính về thi đua - khen thưởng	TCCB-NVCN-08	Chuyên viên chính
2.7	Chuyên viên về thi đua - khen thưởng	TCCB-NVCN-09	Chuyên viên
2.8	Chuyên viên về cải cách hành chính	TCCB-NVCN-10	Chuyên viên
IV	**BAN KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	KHTC-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	KHTC-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	KHTC-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	KHTC-LĐQL-04	
2	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
2.1	Chuyên viên cao cấp về tài chính	KHTC-CMDC-05	Chuyên viên cao cấp
2.2	Kế toán viên chính	KHTC-CMDC-06	Kế toán viên chính
2.3	Kế toán viên	KHTC-CMDC-07	Kế toán viên
2.4	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	KHTC-CMDC-08	
2.5	Chuyên viên chính về kế hoạch, đầu tư	KHTC-CMDC-09	Chuyên viên chính
2.6	Chuyên viên về kế hoạch, đầu tư	KHTC-CMDC-10	Chuyên viên
2.7	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	KHTC-CMDC-11	Chuyên viên
2.8	Chuyên viên chính về tài chính	KHTC-CMDC-12	Chuyên viên chính
2.9	Chuyên viên về tài chính	KHTC-CMDC-13	Chuyên viên
2.10	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp	KHTC-CMDC-14	Chuyên viên
2.11	Chuyên viên chính về quản lý tài sản công	KHTC-CMDC-15	Chuyên viên chính

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.12	Chuyên viên về quản lý tài sản công	KHTC-CMDC-16	Chuyên viên
2.13	Chuyên viên về kiểm toán	KHTC-CMDC-17	Chuyên viên
2.14	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	KHTC-CMDC-18	Chuyên viên
2.15	Chuyên viên về quản lý giá	KHTC-CMDC-19	Chuyên viên
2.16	Chuyên viên về thống kê	KHTC-CMDC-20	Chuyên viên
2.17	Chuyên viên thủ quỹ	KHTC-CMDC-21	Chuyên viên
2.18	Cán sự về hành chính - văn phòng	KHTC-CMDC-22	Cán sự
2.19	Nhân viên về hành chính - văn phòng	KHTC-CMDC-23	Nhân viên
V	**BAN BIÊN TẬP TIN TRONG NƯỚC**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	BTN-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	BTN-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BTN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	BTN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	BTN-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	BTN-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	BTN-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	BTN-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	BTN-NVCN-09	Biên tập viên hạng II
2.6	Biên tập viên hạng III	BTN-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	BTN-CMDC-11	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	BTN-CMDC-12	Chuyên viên
VI	**BAN BIÊN TẬP TIN THẾ GIỚI**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	BTG-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	BTG-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BTG-LĐQL-03	

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
1.4	Phó trưởng phòng	BTG-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	BTG-NVCN-05	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	BTG-NVCN-06	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	BTG-NVCN-07	Biên tập viên hạng III
2.4	Kỹ sư hạng III	BTG-NVCN-08	Kỹ sư hạng III
2.5	Kỹ thuật viên hạng IV	BTG-NVCN-09	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
2.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	BTG-CMDC-10	Chuyên viên chính
2.2	Chuyên viên về tổng hợp	BTG-CMDC-11	Chuyên viên
2.3	Cán sự về hành chính - văn phòng	BTG-CMDC-12	Cán sự
2.4	Nhân viên về hành chính - văn phòng	BTG-CMDC-13	Nhân viên
VII	**BAN BIÊN TẬP TIN ĐỐI NGOẠI**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	BĐN-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	BĐN-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BĐN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	BĐN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	BĐN-NVCN-05	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	BĐN-NVCN-06	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	BĐN-NVCN-07	Biên tập viên hạng III
2.4	Phóng viên hạng II	BĐN-NVCN-08	Phóng viên hạng II
2.5	Phóng viên hạng III	BĐN-NVCN-09	Phóng viên hạng III
3	**Chuyên gia**		
3.1	Chuyên gia người Việt Nam/ người nước ngoài	BĐN-CG-10	
VIII	**BAN BIÊN TẬP ẢNH**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	BA-LĐQL-01	

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
1.2	Phó trưởng ban	BA-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng và tương đương	BA-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	BA-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	BA-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	BA-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	BA-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	BA-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	BA-NVCN-09	Biên tập viên hạng II
2.6	Biên tập viên hạng III	BA-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
2.7	Lưu trữ viên chính	BA-NVCN-11	Lưu trữ viên chính
2.8	Lưu trữ viên	BA-NVCN-12	Lưu trữ viên
2.9	Họa sĩ hạng III	BA-NVCN-13	Họa sĩ hạng III
2.10	Kỹ thuật viên hạng IV	BA-NVCN-14	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	BA-CMDC-15	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	BA-CMDC-16	Chuyên viên
IX	**BAN BIÊN TẬP TIN KINH TẾ**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Trưởng ban	BKT-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng ban	BKT-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BKT-LĐQL-03	
1.7	Phó trưởng phòng	BKT-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	BKT-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	BKT-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	BKT-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	BKT-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	BKT-NVCN-09	Biên tập viên hạng II

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.6	Biên tập viên hạng III	BKT-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
2.7	Kỹ sư hạng II	BKT-NVCN-11	Kỹ sư hạng II
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	BKT-CMDC-12	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	BKT-CMDC-13	Chuyên viên
X	**TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU VÀ ĐỒ HỌA**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	TLĐH-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	TLĐH-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	TLĐH-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	TLĐH-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	TLĐH-NVCN-05	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	TLĐH-NVCN-06	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	TLĐH-NVCN-07	Biên tập viên hạng III
2.4	Họa sĩ hạng II	TLĐH-NVCN-08	Họa sĩ hạng II
2.5	Họa sĩ hạng III	TLĐH-NVCN-09	Họa sĩ hạng III
2.6	Kỹ sư hạng III	TLĐH-NVCN-10	Kỹ sư hạng III
2.7	Lưu trữ viên chính	TLĐH-NVCN-11	Lưu trữ viên chính
2.8	Lưu trữ viên	TLĐH-NVCN-12	Lưu trữ viên
XI	**TRUNG TÂM TRUYỀN HÌNH THÔNG TẤN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	TTTH-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	TTTH-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng và tương đương	TTTH-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng và tương đương	TTTH-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	TTTH-NVCN-05	Phóng viên hạng I

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.2	Phóng viên hạng II	TTTH-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	TTTH-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	TTTH-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	TTTH-NVCN-09	Biên tập viên hạng II
2.6	Biên tập viên hạng III	TTTH-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
2.7	Kỹ sư hạng II	TTTH-NVCN-11	Kỹ sư hạng II
2.8	Kỹ sư hạng III	TTTH-NVCN-12	Kỹ sư hạng III
2.9	Kỹ thuật viên hạng IV	TTTH-NVCN-13	Kỹ thuật viên hạng IV
2.10	Phát thanh viên hạng II	TTTH-NVCN-14	Phát thanh viên hạng II
2.11	Phát thanh viên hạng III	TTTH-NVCN-15	Phát thanh viên hạng III
2.12	Kỹ thuật dựng phim hạng I	TTTH-NVCN-16	Kỹ thuật dựng phim hạng I
2.13	Kỹ thuật dựng phim hạng II	TTTH-NVCN-17	Kỹ thuật dựng phim hạng II
2.14	Kỹ thuật dựng phim hạng III	TTTH-NVCN-18	Kỹ thuật dựng phim hạng III
2.15	Kỹ thuật dựng phim hạng IV	TTTH-NVCN-19	Kỹ thuật dựng phim hạng IV
2.16	Đạo diễn truyền hình hạng II	TTTH-NVCN-20	Đạo diễn truyền hình hạng II
2.17	Đạo diễn truyền hình hạng III	TTTH-NVCN-21	Đạo diễn truyền hình hạng III
2.18	Âm thanh viên hạng II	TTTH-NVCN-22	Âm thanh viên hạng II
2.19	Âm thanh viên hạng III	TTTH-NVCN-23	Âm thanh viên hạng III
2.20	Quay phim viên hạng II	TTTH-NVCN-24	Quay phim hạng II
2.21	Quay phim viên hạng III	TTTH-NVCN-25	Quay phim hạng III
2.22	Quay phim viên hạng IV	TTTH-NVCN-26	Quay phim hạng IV
2.23	Họa sĩ hạng II	TTTH-NVCN-27	Họa sĩ hạng II
2.24	Họa sĩ hạng III	TTTH-NVCN-28	Họa sĩ hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	TTTH-CMDC-29	
3.2	Kế toán viên chính	TTTH-CMDC-30	Kế toán viên chính
3.3	Kế toán viên	TTTH-CMDC-31	Kế toán viên
3.4	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	TTTH-CMDC-32	Chuyên viên chính
3.5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	TTTH-CMDC-33	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên phục vụ	TTTH-HTPV-34	Nhân viên phục vụ
XII	**BÁO TIN TỨC**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Tổng biên tập	BTT-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	BTT-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BTT-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	BTT-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	BTT-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	BTT-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	BTT-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng II	BTT-NVCN-08	Biên tập viên hạng II
2.5	Biên tập viên hạng III	BTT-NVCN-09	Biên tập viên hạng III
2.6	Kỹ sư hạng III	BTT-NVCN-10	Kỹ sư hạng III
2.7	Kỹ thuật viên hạng IV	BTT-NVCN-11	Kỹ thuật viên hạng IV
2.8	Họa sĩ hạng III	BTT-NVCN-12	Họa sĩ hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	BTT-CMDC-13	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	BTT-CMDC-14	Chuyên viên
3.3	Cán sự về hành chính - văn phòng	BTT-CMDC-15	Cán sự
XIII	**BÁO THỂ THAO VÀ VĂN HÓA**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Tổng biên tập	TTVH-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	TTVH-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	TTVH-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	TTVH-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	TTVH-NVCN-05	Phóng viên hạng I

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.2	Phóng viên hạng II	TTVH-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	TTVH-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng II	TTVH-NVCN-08	Biên tập viên hạng II
2.5	Biên tập viên hạng III	TTVH-NVCN-09	Biên tập viên hạng III
2.6	Kỹ sư hạng II	TTVH-NVCN-10	Kỹ sư hạng II
2.7	Kỹ sư hạng III	TTVH-NVCN-11	Kỹ sư hạng III
2.8	Kỹ thuật viên hạng IV	TTVH-NVCN-12	Kỹ thuật viên hạng IV
2.9	Quay phim viên hạng II	TTVH-NVCN-13	Quay phim hạng II
2.10	Quay phim viên hạng III	TTVH-NVCN-14	Quay phim hạng III
2.11	Họa sĩ hạng III	TTVH-NVCN-15	Họa sĩ hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	TTVH-CMDC-16	
3.2	Kế toán viên chính	TTVH-CMDC-17	Kế toán viên chính
3.3	Chuyên viên chính về tổng hợp	TTVH-CMDC-18	Chuyên viên chính
3.4	Chuyên viên về tổng hợp	TTVH-CMDC-19	Chuyên viên
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên kỹ thuật	TTVH-HTPV-20	Nhân viên
XIV	**BÁO ĐIỆN TỬ VIETNAMPLUS**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Tổng biên tập	BĐT-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	BĐT-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BĐT-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	BĐT-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	BĐT-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	BĐT-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	BĐT-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	BĐT-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	BĐT-NVCN-09	Biên tập viên hạng II

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.6	Biên tập viên hạng III	BĐT-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
2.7	Họa sĩ hạng III	BĐT-NVCN-11	Họa sĩ hạng III
2.8	Kỹ sư hạng III	BĐT-NVCN-12	Kỹ sư hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	BĐT-CMDC-13	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	BĐT-CMDC-14	Chuyên viên
4	**Chuyên gia**		
4.1	Chuyên gia người Việt Nam/ người nước ngoài	BĐT-CG-15	
XV	**BÁO LE COURRIER DU VIETNAM**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Tổng biên tập	CVN-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	CVN-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	CVN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	CVN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	CVN-NVCN-05	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	CVN-NVCN-06	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	CVN-NVCN-07	Biên tập viên hạng III
2.4	Phóng viên hạng II	CVN-NVCN-08	Phóng viên hạng II
2.5	Phóng viên hạng III	CVN-NVCN-09	Phóng viên hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	CVN-CMDC-10	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	CVN-CMDC-11	Chuyên viên
3.3	Nhân viên kỹ thuật	CVN-CMDC-12	Nhân viên
4	**Chuyên gia**		
4.1	Chuyên gia người Việt Nam/ người nước ngoài	CVN-CG-13	
XVI	**TẠP CHÍ VIETNAM LAW AND LEGAL FORUM**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
1.1	Tổng biên tập	VNL-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	VNL-LĐQL-02	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	VNL-NVCN-03	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	VNL-NVCN-04	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	VNL-NVCN-05	Biên tập viên hạng III
2.4	Phóng viên hạng III	VNL-NVCN-06	Phóng viên hạng III
2.5	Kỹ sư hạng III	VNL-NVCN-07	Kỹ sư hạng III
2.6	Kỹ thuật viên hạng IV	VNL-NVCN-08	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên về tổng hợp	VNL-CMDC-09	Chuyên viên
XVII	**BÁO ẢNH VIỆT NAM**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Tổng biên tập	BAVN-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	BAVN-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	BAVN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	BAVN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	BAVN-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	BAVN-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	BAVN-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	BAVN-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	BAVN-NVCN-09	Biên tập viên hạng II
2.6	Biên tập viên hạng III	BAVN-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
2.7	Họa sĩ hạng II	BAVN-NVCN-11	Họa sĩ hạng II
2.8	Họa sĩ hạng III	BAVN-NVCN-12	Họa sĩ hạng III
2.9	Kỹ sư hạng II	BAVN-NVCN-13	Kỹ sư hạng II
2.10	Lưu trữ viên chính	BAVN-NVCN-14	Lưu trữ viên chính
2.11	Lưu trữ viên	BAVN-NVCN-15	Lưu trữ viên

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	BAVN-CMDC-16	
3.2	Kế toán viên chính	BAVN-CMDC-17	Kế toán viên chính
3.3	Kế toán viên	BAVN-CMDC-18	Kế toán viên
3.4	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	BAVN-CMDC-19	Chuyên viên chính
3.5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	BAVN-CMDC-20	Chuyên viên
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên lái xe	BAVN-HTPV-21	Nhân viên lái xe
5	**Chuyên gia**		
5.1	Chuyên gia người Việt Nam/ người nước ngoài	BAVN-CG-22	
XVIII	**BÁO ẢNH DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Tổng biên tập	DTMN-LĐQL-01	
1.2	Phó tổng biên tập	DTMN-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	DTMN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	DTMN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	DTMN-NVCN-09	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	DTMN-NVCN-10	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	DTMN-NVCN-11	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng II	DTMN-NVCN-12	Biên tập viên hạng II
2.5	Biên tập viên hạng III	DTMN-NVCN-13	Biên tập viên hạng III
2.6	Họa sĩ hạng III	DTMN-NVCN-14	Họa sĩ hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên về tổng hợp	DTMN-CMDC-15	Chuyên viên
XIX	**NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc - Tổng biên tập	NXB-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	NXB-LĐQL-02	

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
1.3	Phó tổng biên tập	NXB-LĐQL-03	
1.4	Trưởng phòng	NXB-LĐQL-04	
1.7	Phó trưởng phòng	NXB-LĐQL-05	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Biên tập viên hạng I	NXB-NVCN-06	Biên tập viên hạng I
2.2	Biên tập viên hạng II	NXB-NVCN-07	Biên tập viên hạng II
2.3	Biên tập viên hạng III	NXB-NVCN-08	Biên tập viên hạng III
2.4	Họa sĩ hạng II	NXB-NVCN-09	Họa sĩ hạng II
2.5	Họa sĩ hạng III	NXB-NVCN-10	Họa sĩ hạng III
2.6	Kỹ sư hạng III	NXB-NVCN-11	Kỹ sư hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	NXB-CMDC-12	
3.2	Kế toán viên chính	NXB-CMDC-13	Kế toán viên chính
3.3	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	NXB-CMDC-14	Chuyên viên chính
3.4	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	NXB-CMDC-15	Chuyên viên
XX	**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN TTXVN KHU VỰC PHÍA NAM**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	CQKVPN-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	CQKVPN-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng và tương đương	CQKVPN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng và tương đương	CQKVPN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	CQKVPN-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	CQKVPN-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	CQKVPN-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	CQKVPN-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	CQKVPN-NVCN-09	Biên tập viên hạng II
2.6	Biên tập viên hạng III	CQKVPN-NVCN-10	Biên tập viên hạng III

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.7	Kỹ sư hạng I	CQKVPN-NVCN-11	Kỹ sư hạng I
2.8	Kỹ sư hạng II	CQKVPN-NVCN-12	Kỹ sư hạng II
2.9	Kỹ sư hạng III	CQKVPN-NVCN-13	Kỹ sư hạng III
2.10	Kỹ thuật viên hạng IV	CQKVPN-NVCN-14	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	CQKVPN-CMDC-15	
3.2	Kế toán viên chính	CQKVPN-CMDC-16	Kế toán viên chính
3.3	Kế toán viên	CQKVPN-CMDC-17	Kế toán viên
3.4	Kế toán viên Trung cấp	CQKVPN-CMDC-18	Kế toán viên Trung cấp
3.5	Lưu trữ viên chính	CQKVPN-CMDC-19	Lưu trữ viên chính
3.6	Lưu trữ viên	CQKVPN-CMDC-20	Lưu trữ viên
3.7	Chuyên viên chính về truyền thông	CQKVPN-CMDC-21	Chuyên viên chính
3.8	Chuyên viên về truyền thông	CQKVPN-CMDC-22	Chuyên viên
3.9	Chuyên viên chính về tổng hợp	CQKVPN-CMDC-23	Chuyên viên chính
3.10	Chuyên viên về tổng hợp	CQKVPN-CMDC-24	Chuyên viên
3.11	Chuyên viên thủ quỹ	CQKVPN-CMDC-25	Chuyên viên
3.12	Cán sự về hành chính - văn phòng	CQKVPN-CMDC-26	Cán sự
3.13	Nhân viên thủ quỹ	CQKVPN-CMDC-27	Nhân viên
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên lễ tân	CQKVPN-HTPV-28	Nhân viên
4.2	Nhân viên kỹ thuật	CQKVPN-HTPV-29	Nhân viên kỹ thuật
4.3	Nhân viên bảo vệ	CQKVPN-HTPV-30	Nhân viên bảo vệ
4.4	Nhân viên phục vụ	CQKVPN-HTPV-31	Nhân viên phục vụ
4.5	Nhân viên lái xe	CQKVPN-HTPV-32	Nhân viên lái xe
XXI	**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN TTXVN KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	CQKVMTTN-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	CQKVMTTN-LĐQL-02	

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
1.3	Trưởng phòng và tương đương	CQKVMTTN-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng và tương đương	CQKVMTTN-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	CQKVMTTN-NVCN-05	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	CQKVMTTN-NVCN-06	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	CQKVMTTN-NVCN-07	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng I	CQKVMTTN-NVCN-08	Biên tập viên hạng I
2.5	Biên tập viên hạng II	CQKVMTTN-NVCN-09	Biên tập viên hạng II
2.6	Biên tập viên hạng III	CQKVMTTN-NVCN-10	Biên tập viên hạng III
2.7	Kỹ sư hạng II	CQKVMTTN-NVCN-11	Kỹ sư hạng II
2.8	Kỹ sư hạng III	CQKVMTTN-NVCN-12	Kỹ sư hạng III
2.9	Kỹ thuật viên hạng IV	CQKVMTTN-NVCN-13	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	CQKVMTTN-CMDC-14	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	CQKVMTTN-CMDC-15	Chuyên viên
3.3	Chuyên viên chính về truyền thông	CQKVMTTN-CMDC-16	Chuyên viên chính
3.4	Chuyên viên về truyền thông	CQKVMTTN-CMDC-17	Chuyên viên
3.5	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	CQKVMTTN-CMDC-18	
3.6	Kế toán viên chính	CQKVMTTN-CMDC-19	Kế toán viên chính
3.7	Kế toán viên	CQKVMTTN-CMDC-20	Kế toán viên
3.8	Kế toán viên trung cấp	CQKVMTTN-CMDC-21	Kế toán viên trung cấp
3.9	Văn thư viên	CQKVMTTN-CMDC-22	Văn thư viên
3.10	Chuyên viên thủ quỹ	CQKVMTTN-CMDC-23	Chuyên viên
3.11	Cán sự về hành chính - văn phòng	CQKVMTTN-CMDC-24	Cán sự
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên lễ tân	CQKVMTTN-HTPV- 25	Nhân viên
4.2	Nhân viên lái xe	CQKVMTTN-HTPV- 26	Nhân viên lái xe
4.3	Nhân viên phục vụ	CQKVMTTN-HTPV- 27	Nhân viên phục vụ
4.4	Nhân viên bảo vệ	CQKVMTTN-HTPV- 28	Nhân viên bảo vệ

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
XXII	**CÁC CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TTXVN Ở TRONG NƯỚC**		
1	**VTVL lãnh đạo quản lý**		
1.1	Trưởng Cơ quan thường trú	CQTTTN-LĐQL-01	
1.2	Phó trưởng Cơ quan thường trú	CQTTTN-LĐQL-02	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng II	CQTTTN-NVCN-03	Phóng viên hạng II
2.2	Phóng viên hạng III	CQTTTN-NVCN-04	Phóng viên hạng III
XXIII	**CÁC CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TTXVN Ở NƯỚC NGOÀI**		
1	**VTVL lãnh đạo quản lý**		
1.1	Trưởng Cơ quan thường trú	CQTTTN-LĐQL-01	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng II	CQTTTN-NVCN-02	Phóng viên hạng II
2.2	Phóng viên hạng III	CQTTTN-NVCN-03	Phóng viên hạng III
XXIV	**TRUNG TÂM KỸ THUẬT THÔNG TẤN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	KTTT-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	KTTT-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	KTTT-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	KTTT-LĐQL-04	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Kỹ sư hạng I	KTTT-NVCN-05	Kỹ sư hạng I
2.2	Kỹ sư hạng II	KTTT-NVCN-06	Kỹ sư hạng II
2.3	Kỹ sư hạng III	KTTT-NVCN-07	Kỹ sư hạng III
2.4	Kỹ thuật viên hạng IV	KTTT-NVCN-08	Kỹ thuật viên hạng IV
2.5	An toàn thông tin hạng II	KTTT-NVCN-09	An toàn thông tin hạng II
2.6	An toàn thông tin hạng III	KTTT-NVCN-10	An toàn thông tin hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	KTTT-CMDC-11	

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
3.2	Kế toán viên chính	KTTT-CMDC-12	Kế toán viên chính
3.3	Kế toán viên	KTTT-CMDC-13	Kế toán viên
3.4	Kế toán viên trung cấp	KTTT-CMDC-14	Kế toán viên trung cấp
3.5	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	KTTT-CMDC-15	Chuyên viên chính
3.6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	KTTT-CMDC-16	Chuyên viên
3.7	Cán sự về hành chính - văn phòng	KTTT-CMDC-17	Cán sự
3.8	Văn thư viên trung cấp	KTTT-CMDC-18	Văn thư viên trung cấp
4	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**		
4.1	Nhân viên kỹ thuật	KTTT-HTPV-19	Nhân viên kỹ thuật
XXV	**TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÔNG TẤN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	TTBD-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	TTBD-LĐQL-02	
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Phóng viên hạng I	TTBD-NVCN-03	Phóng viên hạng I
2.2	Phóng viên hạng II	TTBD-NVCN-04	Phóng viên hạng II
2.3	Phóng viên hạng III	TTBD-NVCN-05	Phóng viên hạng III
2.4	Biên tập viên hạng II	TTBD-NVCN-06	Biên tập viên hạng II
2.5	Biên tập viên hạng III	TTBD-NVCN-07	Biên tập viên hạng III
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	TTBD-CMDC-07	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	TTBD-CMDC-08	Chuyên viên
XXVI	**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN TRUYỀN THÔNG THÔNG TẤN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Giám đốc	PTTT-LĐQL-01	
1.2	Phó giám đốc	PTTT-LĐQL-02	
1.3	Trưởng phòng	PTTT-LĐQL-03	
1.4	Phó trưởng phòng	PTTT-LĐQL-04	

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2	**VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**		
2.1	Kỹ thuật viên hạng IV	PTTT-NVCN-05	Kỹ thuật viên hạng IV
3	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
3.1	Chuyên viên chính về truyền thông	PTTT-CMDC-06	Chuyên viên chính
3.2	Chuyên viên về truyền thông	PTTT-CMDC-07	Chuyên viên
3.3	Chuyên viên chính về tổng hợp	PTTT-CMDC-08	Chuyên viên chính
3.4	Chuyên viên về tổng hợp	PTTT-CMDC-09	Chuyên viên
3.5	Kế toán viên chính	PTTT-CMDC-10	Kế toán viên chính
3.6	Kế toán viên	PTTT-CMDC-11	Kế toán viên
3.7	Cán sự về hành chính - văn phòng	PTTT-CMDC-12	Cán sự
XXVII	**KHỐI CHUYÊN TRÁCH ĐẢNG ỦY**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy	ĐU-LĐQL-01	
1.2	Chánh văn phòng Đảng ủy	ĐU-LĐQL-02	
1.3	Phó chánh văn phòng Đảng ủy	ĐU-LĐQL-03	
1.4	Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	ĐU-LĐQL-04	
1.5	Phó trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy	ĐU-LĐQL-05	
1.6	Phó trưởng ban Tổ chức Đảng ủy	ĐU-LĐQL-06	
2	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
2.1	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	ĐU-CMDC-07	Chuyên viên chính
2.2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	ĐU-CMDC-08	Chuyên viên
XXVIII	**KHỐI CHUYÊN TRÁCH CÔNG ĐOÀN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Phó chủ tịch thường trực Công đoàn (tương đương phó trưởng ban)	CĐ-LĐQL-01	
1.2	Chánh văn phòng Công đoàn (tương đương trưởng phòng)	CĐ-LĐQL-02	
2	**VTVL chuyên môn dùng chung**		
2.1	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	CĐ-NVCM-03	Chuyên viên chính
2.2	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	CĐ-NVCM-04	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm (VTVL)	Mã VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	*2*	*3*	*4*
2.3	Nhân viên về hành chính - văn phòng	CĐ-NVCM-05	Nhân viên
XXIX	**KHỐI CHUYÊN TRÁCH ĐOÀN THANH NIÊN**		
1	**VTVL lãnh đạo, quản lý**		
1.1	Phó Bí thư thường trực Đoàn thanh niên (tương đương phó trưởng phòng)	ĐTN-LĐQL-01	